

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 247/2026/TLST - HNGĐ về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Thanh Hóa

CCCD: 038302017060

2. Anh Nguyễn Quý C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn M, xã V, tỉnh Thanh Hóa

CCCD: 038093049710

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại M(nay là xã V), tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 21/2/2024, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc và luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh C và chị T đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của anh C và T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được công nhận.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận, mỗi bên chịu 1/2 tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, cần công nhận sự thỏa thuận này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Quý C và chị Nguyễn Thị T về việc mỗi người chịu 1/2 tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh C, chị T đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0003587 ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Anh C, chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Thanh Hóa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ việc dân sự

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương